

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 81 /2023/DS-ST

Ngày 26 / 9 /2023.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. bà Nguyễn Thị Thu Hương ;

[2]. Bà Lê Thị Thận ;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2023; về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 120 /2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T P, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn :

Chị Ninh T H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ : ấp 9, xã T , huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Đàm T Kh; sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2023, đơn sửa đổi nội dung khởi kiện ngày 07/8/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị T P có cho bà Đàm T Kh vay số tiền 100.000.000đ vào ngày 02/3/2019, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất là 2%/1 tháng. Việc vay tiền này được lập thành văn bản, bị đơn đã trả được tiền lãi tính đến ngày 02/3/2019.

Tuy nhiên tiền gốc chưa trả, vì vậy yêu cầu bị đơn trả gốc, tiền lãi kể từ ngày 03/3/2019 đến nay theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Đàm T Kh trình bày: Tôi có vay số tiền 100.000.000đ của bà Phương, thời hạn vay 6 tháng là đúng, tuy nhiên tôi có mua bảo hiểm của bà Phương 20.000.000đ, nên chỉ nhận 80.000.000đ, tiền lãi 3%/1 tháng, trả lãi hàng tháng và đã trả được 3 năm 6 tháng tiền lãi nhưng không có gì chứng minh. Nay bà đồng ý trả 100.000.000đ nhưng xin trả dần, không đồng ý trả lãi vì không có khả năng trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc mà bị đơn đã vay 100.000.000đ.

Xét thấy ngày 02/3/2017 bị đơn có vay tiền của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, bị đơn thừa nhận là đúng, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng chưa trả được, như vậy quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần buộc bị đơn bà Đàm T Kh trả nguyên đơn bà Bùi Thị T P số tiền gốc 100.000.000đ.

Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền, không thỏa thuận về lãi suất, bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi 3%/1 tháng và trả được 3 năm 6 tháng tiền lãi nhưng không có gì chứng minh, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi 2 năm, mức lãi 2%/1 tháng, như vậy mức lãi suất không rõ và hiện nay các bên có tranh chấp về lãi, vì vậy áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi 0,83%/1 tháng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/3/2019 đến nay, cụ thể số tiền 100.000.000đ từ ngày 03/3/2019 đến nay 26/9/2023 là 4 năm, 6 tháng 22 ngày :

$100.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 4 \text{ năm}, 6 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 45.428.666đ.$

Tổng cộng cả gốc và lãi 145.428.666đ cần buộc bị đơn bà Đàm T Kh trả nguyên đơn bà Bùi Thị T P.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn nộp án phí theo luật định là 7.271.433đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Bùi Thị T P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.675.000đ đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001101 ngày 26/6/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đàm T Kh trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị T P số tiền gốc 100.000.000đ, tiền lãi 45.428.666đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi 145.428.666đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đàm T Kh nộp tiền án phí DSST là 7.271.433đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Bùi Thị T P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.675.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001101 ngày 26/6/2023.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Dương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

